

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2021/DS-PT
Ngày 04/3/2021
V/v tranh chấp chia tài sản chung
và chia di sản thừa kế

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

<i>Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:</i>	Ông Lương Ngọc Dũng
<i>Các Thẩm phán:</i>	Ông Đặng Minh Hạnh Bà Nguyễn Thị Thu Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tươi - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 55/2020/TLPT-DS ngày 26 tháng 10 năm 2020 về việc “tranh chấp chia tài sản chung và chia di sản thừa kế”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2020/DS-ST ngày 07 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 327/2020/QĐ-PT ngày 27 tháng 11 năm 2020, Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa xét xử phúc thẩm vụ án dân sự số 3111/TB-TA ngày 21 tháng 12 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 24/2021/QĐ-PT ngày 19 tháng 01 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 46/2021/QĐ-PT ngày 05/02/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Bà Đoàn Thị Đ, sinh năm 1939, nơi cư trú: Khu H, thị trấn Tiên L, huyện Tiên L, thành phố Hải Phòng; vắng mặt;

Người đại diện theo ủy quyền của bà Đ: Anh Lê Xuân Ch, sinh năm 1967, nơi cư trú: Khu B, thị trấn Tiên L, huyện Tiên L, thành phố Hải Phòng; vắng mặt;

2. Bà Đoàn Thị M, sinh năm 1947, nơi cư trú: Khu M, thị trấn Tiên L, huyện Tiên L, thành phố Hải Phòng; có mặt;

3. Bà Đoàn Thị R, sinh năm 1954; nơi cư trú: Khu N, thị trấn Tiên L, huyện Tiên L, thành phố Hải Phòng; có mặt;

- Bị đơn:

1. Ông Đoàn Văn H, sinh năm 1957; nơi cư trú: Số 18/2/69B Miếu Hai Xã, phường Dư Hàng Kênh, Quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng; có mặt;

2. Bà Đoàn Thị R1, sinh năm 1959; nơi cư trú: Khu M, thị trấn Tiên L, huyện Tiên L, thành phố Hải Phòng; có mặt;

3. Bà Đoàn Thị H, sinh năm 1969; nơi cư trú: Khu M, thị trấn Tiên L, huyện Tiên L, thành phố Hải Phòng; có mặt;

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Phạm Ngọc T, sinh năm 1982; nơi cư trú: Khu H, thị trấn Tiên L, huyện Tiên L, thành phố Hải Phòng, vắng mặt;

2. Chị Phạm Thị Nh, sinh năm 1988; nơi cư trú: Khu H, thị trấn Tiên L, huyện Tiên L, thành phố Hải Phòng, có mặt;

3. Chị Phạm Thị L, sinh năm 1990; nơi cư trú: Khu H, thị trấn Tiên L, huyện Tiên L, thành phố Hải Phòng, vắng mặt;

4. Cháu Nguyễn Văn Ng, sinh năm 2014; nơi cư trú: Khu H, thị trấn Tiên L, huyện Tiên L, thành phố Hải Phòng, vắng mặt;

Người đại diện theo uỷ quyền của chị L và cháu Ng: Chị Phạm Thị Nh; có mặt;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh T và chị L: Bà Nguyễn Thị Hậu - Trợ giúp viên pháp lý - Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước thành phố Hải Phòng; có mặt;

5. Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1968, nơi cư trú: Khu N, thị trấn Tiên L, huyện Tiên L, thành phố Hải Phòng, có mặt;

6. Anh Đoàn Văn L, sinh năm 1990, nơi cư trú: Khu N, thị trấn Tiên L, huyện Tiên L, thành phố Hải Phòng, vắng mặt;

7. Chị Đoàn Thị Th, sinh năm 1996, nơi cư trú: Khu N, thị trấn Tiên L, huyện Tiên L, thành phố Hải Phòng, vắng mặt;

8. Cháu Đoàn Thị Kim L, sinh năm 2013 nơi cư trú: Khu N, thị trấn Tiên L, huyện Tiên L, thành phố Hải Phòng, vắng mặt;

9. Cháu Đoàn Ngọc L, sinh năm 2015; nơi cư trú: Khu N, thị trấn Tiên L, huyện Tiên L, thành phố Hải Phòng, vắng mặt;

Người đại diện theo Php luật của cháu Kim L và cháu L: Anh Đoàn Văn L; vắng mặt;

10. Ủy ban nhân dân huyện Tiên L, thành phố Hải Phòng,

Người đại diện theo Php luật: Ông Trần Văn Kh - Ph Chủ tịch thường trực Ủy ban nhân dân huyện Tiên L;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn Đ - Ph trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện; vắng mặt.

- Người kháng cáo: Ông Đoàn Văn H, là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, đồng nguyên đơn trình bày:

Cụ Đoàn Văn Ph và cụ Nguyễn Thị M có 08 người con, trong đó có 07 người con đẻ là các bà: Đoàn Thị R, Đoàn Thị M, Đoàn Thị R2, Đoàn Thị R1, Đoàn Thị H, các ông Đoàn Văn H1, Đoàn Văn H và 01 người con nuôi là bà Đoàn Thị Đ. Cụ Ph và cụ M có diện tích đất canh tác khoảng 1,3 mẫu đất ruộng (13 sào bắc bộ, tương ứng là 4.680m²) do tổ tiên để lại, gồm nhiều thửa ruộng ở nhiều nơi khác nhau. Khoảng năm 1976, do Cụ Ph và cụ M không vào hợp tác xã nông nghiệp nên được Nhà nước tiến hành dồn điền đổi thửa với diện tích tương đương tại 5 thửa ruộng ở khu đồng Đống Ngũ giáp thôn La Cầu, xã Quyết Tiến (nay thuộc khu 6 thị trấn Tiên Lãng), huyện Tiên Lãng.

Năm 1993, cụ Ph chết không để lại di chúc, cụ M tiếp tục canh tác trên diện tích đất này, các bà Đ, Mát và Rợp mặc dù đã đi lấy chồng nhưng vẫn được cụ M chia ruộng canh tác vì các bà đều lấy chồng gần nhà. Năm 2005, cụ M chết không để lại di chúc, diện tích đất trên được ông H, bà R2, bà R1 và bà H canh tác một phần, phần còn lại cho người khác thuê cấy lấy thóc để làm nghĩa vụ với Nhà nước.

Năm 2009, ông Đoàn Văn H1 chết, ông H1 có vợ là bà Nguyễn Thị Th và 02 con là Đoàn Văn L và Đoàn Thị Th. Năm 2016, bà Đoàn Thị R2 chết, bà R2 có chồng là Phạm Ngọc Th (chết năm 2018) và có 03 con là Phạm Ngọc T, Phạm Thị Nh và Phạm Thị L. Khi ông H1 chết, bà Th tiếp tục canh tác diện tích đất của ông H1 trước đó, khi bà R2 chết, chị Nh tiếp tục canh tác trên diện tích đất của bà R2 trước đó.

Năm 2017, Nhà nước tiến hành thu hồi 3.854,7m² diện tích đất nông nghiệp của gia đình cụ Ph và cụ M để làm cụm công nghiệp và đền bù cho gia đình tổng số tiền 1.359.669.600 đồng. Đồng nguyên đơn không có ý kiến thắc mắc, khiếu nại gì đối với số tiền được đền bù. Do đây là số tiền Nhà nước đền bù cho cụ Ph và cụ

M, trong khi cả hai cụ đều đã chết, không để lại di chúc và đều không có nghĩa vụ về tài sản gì khác, nên đồng nguyên đơn yêu cầu Tòa án chia đều số tiền nói trên cho 08 người con của các cụ theo quy định của pháp luật.

Tại bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, đồng bị đơn trình bày:

Đồng bị đơn thống nhất với ý kiến trình bày của đồng nguyên đơn về quan hệ huyết thống, nguồn gốc đất và quá trình quản lý sử dụng đất, thời điểm các cụ mất, khi chết các cụ đều không để lại di chúc và đều không có nghĩa vụ về tài sản gì khác.

Đối với số tiền 1.359.669.600 đồng Nhà nước đền bù, đồng bị đơn không có ý kiến thắc mắc gì nhưng đề nghị Tòa án giải quyết như sau:

Trước năm 1976, các bà Đ, M và bà R đã đi lấy chồng nên khi Nhà nước tiến hành dồn điền đổi thửa đối với diện tích đất cụ Ph và cụ M, Nhà nước chỉ giao đất cho những người trong gia đình ông lúc bấy giờ là 07 người gồm: Cụ Ph, cụ M và 05 người con của các cụ là bà R2, bà R1, bà H, ông H và ông H1. Do vậy số tiền Nhà nước đền bù trên thì chỉ những người được Nhà nước giao đất mới được hưởng. Bà Đ, bà M và bà R không được giao đất nên không được hưởng. Đồng bị đơn đề nghị chia đều số tiền đền bù thành 7 phần bằng nhau cho những người được Nhà nước giao đất.

Đối với số tiền cụ Ph và cụ M được hưởng, do cả hai cụ đều đã chết nên bà R1 và bà H đề nghị chia đều cho 08 người con của các cụ. Ông H đề nghị giao số tiền này cho ông H quản lý sử dụng bởi vì: Cụ Ph và cụ M đều đã chết, ông H lại là trưởng nam có nghĩa vụ thờ cúng, nên ông H sẽ dùng số tiền này để sửa sang lại nhà thờ cúng các cụ.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Th, anh L, chị Nh đều thống nhất với ý kiến trình bày của đồng nguyên đơn về quan hệ huyết thống, nguồn gốc đất, thời điểm các cụ mất và khi chết các cụ đều không để lại di chúc và đều không có nghĩa vụ về tài sản gì khác. Những người này đều không có ý kiến thắc mắc gì đối với số tiền Nhà nước đã đền bù, đồng thời trình bày thêm: Khi Cụ Ph và cụ M còn sống có giao một phần diện tích đất cho bà R2, ông H, bà R1 và bà H canh tác sản xuất, số còn lại do cụ Ph và cụ M quản lý, sử dụng. Khi cụ Ph, cụ M chết thì vợ chồng ông H1, bà Th tiếp tục quản lý sử dụng, khi bà R2 chết thì chị Nh tiếp tục quản lý sử dụng. Năm 2017, UBND huyện Tiên L thu hồi diện tích đất nông nghiệp là 3.854,7m² để làm cụm công nghiệp. Toàn bộ số diện tích đất nông nghiệp này đang do bà Th, bà R1, bà H và chị Nh trực tiếp cấy lúa và là những người được Nhà nước đền bù hoa màu. Do diện tích cấy lúa của 04 người này là bằng nhau nên được đền bù số tiền về hoa màu là như nhau. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nói trên đề nghị chia số tiền Nhà nước đền bù cho

những người được hưởng theo quy định của pháp luật và chia số tiền của bà R2, ông H1 được hưởng cho các đồng thừa kế.

UBND huyện Tiên L trình bày: Năm 2017, UBND huyện Tiên L đã thu hồi 3.854,7m² trong số 4.764m² đất diện tích đất nông nghiệp có vị trí tại khu 6 thị trấn Tiên Lãng của hộ gia đình cụ Đoàn Văn Ph để làm cụm công nghiệp. Trong đó có 3.440,1m² đất trong hồ sơ quản lý và 414,6m² đất tăng so với hồ sơ quản lý. Tổng số tiền bồi thường cho hộ gia đình cụ Ph là 1.359.669.600 đồng, trong đó tiền bồi thường cho diện tích đất bị thu hồi là 1.263.312.000 đồng; tiền hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất là 65.520.000 đồng; tiền bồi thường cây cối, hoa màu trên đất là 30.837.600 đồng. Toàn bộ số tiền nói trên đang được gửi tại tài khoản 3741.0.3013265.92001 của Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Tiên Lãng tại Kho bạc Nhà nước huyện Tiên Lãng.

Với nội dung nêu trên tại Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2020/DS-ST ngày 07/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chia số tiền 1.359.669.600 đồng như sau:

- Bà Đoàn Thị Đ, Đoàn Thị M, Đoàn Thị R và ông Đoàn Văn H mỗi người đều được hưởng số tiền là: 162.594.000 đồng.

- Bà Đoàn Thị R1 và bà Đoàn Thị H mỗi người đều được hưởng số tiền là: 170.303.400 đồng.

- Bà Nguyễn Thị Th được hưởng số tiền là: 60.347.400 đồng.

- Chị Phạm Thị Nh được hưởng số tiền là: 65.027.400 đồng.

- Anh Phạm Ngọc T, chị Phạm Thị L, anh Đoàn Văn L và chị Đoàn Thị Th mỗi người đều được hưởng số tiền là: 57.318.000 đồng.

- Cháu Nguyễn Văn Ng, cháu Đoàn Thị Kim L và cháu Đoàn Ngọc L mỗi cháu đều được hưởng số tiền là: 4.680.000 đồng. Người đại diện theo pháp luật của cháu Ng là chị Phạm Thị L có trách nhiệm nhận tiền cho cháu Ng; người đại diện theo pháp luật của cháu Kim L và cháu L là anh Đoàn Văn L có trách nhiệm nhận tiền cho cháu Kim L và cháu L.

Toàn bộ số tiền trên đã được Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Tiên Lãng nộp vào tài khoản của trung tâm, số tài khoản: 3741.0.3013265.92001 tại Kho bạc nhà nước huyện Tiên Lãng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 14/9/2020, ông Đoàn Văn H kháng cáo đề nghị chia lại phần tài sản của gia đình ông tại Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2020/DS-ST ngày 07 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Tiên Lãng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Đồng nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và ý kiến trình bày như ở Tòa án cấp sơ thẩm.

- Ông Đoàn Văn H giữ nguyên trình bày như tại cấp sơ thẩm, giữ nguyên nội dung kháng cáo. Ông đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chia lại phần tài sản của gia đình ông tại Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2020/DS-ST ngày 07 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Tiên Lãng, với lý do không đồng ý với cách chia của Bản án sơ thẩm số 04/2020/DS-ST ngày 07 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Tiên Lãng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự cơ bản thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

Về quá trình sử dụng đất bị thu hồi của hộ gia đình cụ Ph: Về nguồn gốc 3.854,7m² đất bị thu hồi: Trước năm 1976, gia đình cụ Ph là hộ cá thể có diện tích đất khoảng 13 sào gồm nhiều thửa khác nhau, do không vào hợp tác xã nên địa phương đã dồn điền đổi thửa về khu vực giáp ranh với thôn La Hầu, xã Quyết Tiến, huyện Tiên Lãng (nay là khu 6 thị trấn Tiên Lãng) với diện tích 4.764m². Diện tích đất trên được giao cho hộ cụ Ph gồm 10 nhân khẩu gồm cụ Ph và cụ M, 8 con: Các bà Đ, M, R, R2, R1, H và ông H, ông H1. Theo quy định của Luật đất đai năm 1987 thì diện tích đất nông nghiệp của gia đình bị thu hồi phải được coi là tài sản chung của cả gia đình. Mặc dù các bà Đ, M, R đã đi xây dựng gia đình nhưng nguồn gốc đất có trước khi các bà đi xây dựng gia đình. Khi Nhà nước giao đất là giao chung cho hộ gia đình nên các bà Đ, M, R vẫn có phần trong diện tích đất được giao.

Khi cụ Ph cụ M còn sống, diện tích đất bị thu hồi do cụ Ph và cụ M trực tiếp quản lý sử dụng một phần, phần còn lại giao cho gia đình ông H, bà R2, bà R1 và bà H quản lý sử dụng. Khi ông H1 chết thì bà Th tiếp tục quản lý sử dụng diện tích đất của gia đình ông H1, khi bà R2 chết thì con bà R2 là chị Nh tiếp tục quản lý diện tích đất của bà R2.

Về số người được đền bù tài sản hòa màu trên đất: Tại thời điểm UBND huyện Tiên L L thu hồi 3.854,7m² đất nông nghiệp của hộ gia đình cụ Ph thì diện tích đất này đang do bà Th, bà R1, bà H, chị Nh là những người đang trực tiếp quản lý sử dụng đất và có diện tích sử dụng bằng nhau.

Về số nhân khẩu được hỗ trợ ổn định đời sống: Số nhân khẩu được Nhà nước hỗ trợ khi thu hồi đất của hộ gia đình cụ Ph gồm 14 nhân khẩu: Bà Đoàn Thị Đ, Đoàn Thị M, Đoàn Thị R, ông Đoàn Văn H, bà Đoàn Thị R1, bà Đoàn Thị H,

anh Phạm Ngọc T, chị Phạm Thị Nh, chị Phạm Thị L (anh T, chị Nh, chị L là con bà R2), cháu Nguyễn Văn Ng (con chị L), anh Đoàn Văn L, chị Đoàn Thị Th (con ông H1), cháu Đoàn Thị Kim L và cháu Đoàn Ngọc L (con anh L).

Về chia di sản thừa kế: Đối với di sản của Cụ Ph và cụ M: Do 02 cụ đều đã mất không để lại di chúc nên số tiền này được chia đều cho 08 người con. Đối với di sản của bà R2: Bà R2 và chồng là ông Phạm Ngọc Th chết không để lại di chúc nên số tiền bà R2 được hưởng sẽ được chia đều cho 03 người con là anh Phạm Ngọc T, chị Phạm Thị Nh và chị Phạm Thị L. Đối với di sản của ông H1: Ông H1 chết không để lại di chúc nên số tiền ông H1 được hưởng sẽ chia đều cho vợ và 02 con là bà Nguyễn Thị Th, anh Đoàn Văn L và chị Đoàn Thị Th.

Như vậy, việc Tòa án sơ thẩm chia số tiền được bồi thường hỗ trợ và chia di sản thừa kế cho các đương sự là có căn cứ và đúng Php luật. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn. Giữ nguyên bản án sơ thẩm. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn ông H là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, cũng như lời trình bày của các đương sự và ý kiến của Viện Kiểm sát tại phiên tòa;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án tranh chấp về chia tài sản chung và chia di sản thừa kế. Tài sản có tranh chấp ở huyện Tiên Lãng; bị đơn nơi cư trú tại huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng nên Tòa án huyện Tiên Lãng thụ lý, giải quyết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự là đúng thẩm quyền.

[2] Về người tham gia tố tụng: Đối với nguyên đơn là bà Đoàn Thị Đ, người đại diện theo ủy quyền của bà Đ là anh Ch, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh L, chị Th, cháu Kim L và cháu L, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng họ đều vắng mặt không lý do; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Phạm Thị L, anh Phạm Ngọc T và cháu Nguyễn Văn Ng đều được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh T và chị L có mặt, người đại diện theo ủy quyền của chị L và cháu Ng cũng có mặt; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân huyện Tiên L đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án căn cứ Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với bà Đ, anh Ch, chị Lan, anh Tuấn, cháu Ngọc, anh L, chị Th, cháu Kim L, cháu L và Ủy ban nhân dân huyện Tiên L.

- Về yêu cầu kháng cáo: Bị đơn là ông Đoàn Văn H kháng cáo Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Tiên Lãng do không đồng ý với phương án chia thừa kế của Tòa án nhân dân huyện Tiên Lãng.

[3] Về nguồn gốc diện tích 3.854,7m² đất nông nghiệp bị thu hồi của hộ gia đình cụ Ph. Trước năm 1976, gia đình cụ Ph là hộ cá thể có diện tích đất nông nghiệp khoảng 13 sào bắc bộ gồm nhiều thửa ruộng ở nhiều nơi khác nhau, do không vào hợp tác xã nên địa phương đã dồn điền đổi thửa về khu vực giáp ranh với thôn La Cầu, Quyết Tiến, Tiên Lãng, Hải Phòng (nay thuộc khu 6, thị trấn Tiên Lãng) với diện tích 4.764m². Diện tích đất này được phân bổ ở nhiều thửa khác nhau. Hộ cụ Ph có 10 nhân khẩu gồm: Cụ Đoàn Văn Ph, cụ Nguyễn Thị M và 08 người con của các cụ là bà Đoàn Thị Đ, Đoàn Thị M, Đoàn Thị R, Đoàn Thị Râm, Đoàn Thị R1, Đoàn Thị H, các ông Đoàn Văn H và Đoàn Văn H1. Do diện tích đất nông nghiệp bình quân của hộ cụ Ph đang sử dụng phù hợp với diện tích đất nông nghiệp theo mức bình quân giao của địa phương nên hộ gia đình cụ Ph không được giao thêm và cũng không bị lấy ra. Hộ gia đình cụ Ph canh tác, sử dụng đất nông nghiệp và thực hiện nghĩa vụ thuế trên diện tích này ổn định cho đến nay. Theo quy định của pháp luật về đất đai năm 1987 thì đất đai thuộc sở hữu toàn dân, do vậy diện tích đất nông nghiệp 3.854,7m² trong số 4.764 m² của hộ cụ Ph bị thu hồi phải được coi là tài sản chung của gia đình. Diện tích này bị thu hồi thì số tiền bồi thường, hỗ trợ phải được chia đều cho 10 nhân khẩu của gia đình cụ Ph.

[5] Bị đơn cho rằng Nhà nước chỉ giao đất cho 07 người gồm: Cụ Ph, cụ M và các ông bà R2, ông H, ông H1, bà R1 và bà H với lý do đồng nguyên đơn bà Đ, bà M và bà R đã đi xây dựng gia đình trước khi Nhà nước giao đất là không có căn cứ. Bởi vì, nguồn gốc diện tích đất nông nghiệp của hộ gia đình cụ Ph đã có trước khi các bà Đ, M và R đi xây dựng gia đình. Mặt khác, thời điểm này Nhà nước giao đất đất nông nghiệp cho hộ gia đình dựa trên số nhân khẩu của từng hộ. Tuy các bà Đ, bà M và bà R đã đi xây dựng gia đình nhưng vẫn sinh sống tại địa phương nên vẫn sản xuất và canh tác trên diện tích đất nông nghiệp của gia đình.

[6] Từ những phân tích trên, số tiền 1.263.312.000 đồng tiền bồi thường thu hồi đất sẽ được chia đều cho 10 người gồm: Cụ Ph, cụ M, Đ, bà Mát, bà Rọp, bà R2, ông H, ông H1, bà R1 và bà H như sau: 1.263.312.000 đồng/10 người = 126.331.200 đồng.

Đối với số tiền 65.520.000 đồng hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất. Theo phương án bồi thường của UBND huyện Tiên L và xác minh tại địa phương, số tiền này hỗ trợ cho 14 nhân khẩu gồm: Bà Đoàn Thị Đ, Đoàn Thị M, Đoàn Thị R, ông Đoàn Văn H, bà Đoàn Thị R1, bà Đoàn Thị H, anh Đoàn Ngọc T, chị Phạm Thị Nh, chị Phạm Thị L (anh T, chị Nh và chị L là con của bà R2), cháu Nguyễn Văn Ng (cháu Ng là con của chị L), anh Đoàn Văn L, chị Đoàn Thị Th (anh L và chị Th là con của ông H), cháu Hoàng Thị Kim L và cháu Đoàn Ngọc L (cháu Kim L và cháu

L là con của anh L). Do vậy số tiền này được chia đều cho 14 người nói trên như sau: $65.520.000 \text{ đồng} / 14 \text{ người} = 4.680.000 \text{ đồng}$.

Đối với số tiền 30.837.600 đồng bồi thường cây cối, hoa màu trên đất. Theo phương án bồi thường của UBND huyện Tiên L và xác minh tại địa phương xác định tại thời điểm thu hồi đất bà Nguyễn Thị Th, Đoàn Thị R1, Đoàn Thị H và chị Phạm Thị Nh là những người đang trực tiếp cấy lúa trên diện tích đất bị thu hồi, diện tích cấy lúa của những người này bằng nhau nên số tiền này chỉ có bà Th, bà R1, bà H và chị Nh được hưởng với số tiền bằng nhau như sau: $30.837.600 \text{ đồng} / 4 \text{ người} = 7.709.400 \text{ đồng}$.

[7] Về chia thừa kế:

Đối với di sản của Cụ Ph và cụ M: Tổng số tiền Cụ Ph và cụ M được hưởng là: $126.331.200 \text{ đồng} \times 2 = 252.662.400 \text{ đồng}$. Do cả hai cụ đều đã chết, không để lại di chúc nên số tiền này phải được chia thừa kế. Việc ông Đoàn Văn H đề nghị được quản lý và sử dụng số tiền này vào việc sửa chữa nhà thờ cúng nhưng không được những người đồng thừa kế còn lại đồng ý nên không được chấp nhận. Cụ Ph và cụ M có 08 người con nên số tiền này được chia đều cho 08 người như sau: $252.662.400 \text{ đồng} / 8 \text{ người} = 31.582.800 \text{ đồng}$.

Đối với di sản của bà R2 và ông H: Tổng số tiền bà R2, ông H1 mỗi người được hưởng là: $126.331.200 \text{ đồng}$ (tiền bồi thường, đền bù đất bị thu hồi) + $31.582.800 \text{ đồng}$ (di sản của cụ Ph và cụ M) = $157.914.000 \text{ đồng}$. Do bà R2 và ông H1 đều đã chết, không để lại di chúc nên số tiền này được chia thừa kế.

Di sản của bà R2 được chia như sau: Bà R2 có chồng là ông Phạm Ngọc Th và 03 người con là Phạm Ngọc T, Phạm Thị Nh và Phạm Thị L. Do ông Th đã chết, không để lại di chúc nên di sản của bà R2 được chia đều cho 03 con như sau: $157.914.000 \text{ đồng} / 3 \text{ người} = 52.638.000 \text{ đồng}$.

Di sản của ông H1 được chia như sau: Ông H1 có vợ là bà Nguyễn Thị Th và 02 người con là Đoàn Văn L và Đoàn Thị Th. Ông H1 không để lại di chúc nên di sản của ông H1 được chia đều cho vợ và 02 con như sau: $157.914.000 \text{ đồng} / 3 \text{ người} = 52.638.000 \text{ đồng}$.

[8] Về số tiền của từng người được hưởng:

Số tiền bà Đ, bà M, bà R và ông H mỗi người đều được hưởng là: $126.331.200 \text{ đồng}$ (tiền bồi thường, đền bù đất bị thu hồi) + $31.582.800 \text{ đồng}$ (di sản của Cụ Ph và cụ M) + $4.680.000 \text{ đồng}$ (hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất) = $162.594.000 \text{ đồng}$.

Số tiền bà R1, bà H mỗi người đều được hưởng là: $126.331.200 \text{ đồng}$ (tiền bồi thường, đền bù đất bị thu hồi) + $31.582.800 \text{ đồng}$ (di sản của Cụ Ph và cụ M) +

4.680.000 đồng (hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất) + 7.709.400 đồng (bồi thường cây cối, hoa màu trên đất) = 170.303.400 đồng.

Số tiền bà Th được hưởng là: 52.638.000 đồng (di sản của ông H1) + 7.709.400 đồng (bồi thường cây cối, hoa màu trên đất) = 60.347.400 đồng.

Số tiền anh L, chị Th mỗi người đều được hưởng là: 52.638.000 đồng (di sản của ông H1) + 4.680.000 đồng (hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất) = 57.318.000 đồng.

Số tiền chị Nh được hưởng là: 52.638.000 đồng (di sản của bà R2) + 7.709.400 đồng (bồi thường cây cối, hoa màu trên đất) + 4.680.000 đồng (hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất) = 65.027.400 đồng.

Số tiền anh T, chị L mỗi người đều được hưởng là: 52.638.000 đồng (di sản của bà R2) + 4.680.000 đồng (hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất) = 57.318.000 đồng.

Số tiền của cháu Nguyễn Văn Ng (con của chị L), cháu Hoàng Thị Kim L và cháu Đoàn Ngọc L (con của anh L) mỗi cháu đều được hưởng số tiền hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất là 4.680.000 đồng.

[9] Tòa án sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của đồng nguyên đơn, chia tài sản chung và chia di sản thừa kế là có cơ sở. Bị đơn ông H kháng cáo yêu cầu chia lại tài sản chung và di sản thừa kế nhưng ông H không cung cấp được chứng cứ gì khác chứng minh nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông H.

[10] Về án phí: Tại cấp phúc thẩm ông H có đơn xin miễn án phí. Xét ông H là người cao tuổi, căn cứ Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, ông H được miễn án phí dân sự sơ thẩm, dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, Điều 147, Điều 148, Điều 227, Điều 228, khoản 1 Điều 308; Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ các điều 102, 212, 219, 623, 649, 650, 651, 653 và 688 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ các điều 1, 3, 9, 13, 28 và khoản 5 Điều 49 Luật Đất đai năm 1987; Căn cứ các điều 16, 62, 66, 74, 83, 84, 90 và 210 Luật đất đai năm 2013.

Căn cứ Nghị định số 64/CP ngày 27/9/1993; Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 và Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

Căn cứ Điều 12; Điều 27; Điều 28 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Không chấp nhận kháng cáo của ông Đoàn Văn H. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của đồng nguyên đơn, chia số tiền 1.359.669.600 đồng như sau:

Bà Đoàn Thị Đ, Đoàn Thị M, Đoàn Thị R và ông Đoàn Văn H mỗi người đều được hưởng số tiền là: 162.594.000 đồng (Một trăm sáu mươi hai triệu, năm trăm chín mươi bốn nghìn đồng).

Bà Đoàn Thị R1 và bà Đoàn Thị H mỗi người đều được hưởng số tiền là: 170.303.400 đồng (Một trăm bảy mươi triệu, ba trăm linh ba nghìn, bốn trăm đồng).

Bà Nguyễn Thị Th được hưởng số tiền là: 60.347.400 đồng (Sáu mươi triệu, ba trăm bốn mươi bảy nghìn, bốn trăm đồng).

Chị Phạm Thị Nh được hưởng số tiền là: 65.027.400 đồng (Sáu mươi lăm triệu, không trăm hai mươi bảy nghìn, bốn trăm đồng).

Anh Phạm Ngọc T, chị Phạm Thị L, anh Đoàn Văn L và chị Đoàn Thị Th mỗi người đều được hưởng số tiền là: 57.318.000 đồng (Năm mươi bảy triệu, ba trăm mười tám nghìn đồng).

Cháu Nguyễn Văn Ng, cháu Hoàng Thị Kim L và cháu Đoàn Ngọc L mỗi cháu đều được hưởng số tiền là: 4.680.000 đồng (Bốn triệu, sáu trăm tám mươi nghìn đồng). Người đại diện theo pháp luật của cháu Ng là chị Phạm Thị L có trách nhiệm nhận tiền cho cháu Ng; người đại diện theo pháp luật của cháu Kim L và L là anh Đoàn Văn L có trách nhiệm nhận tiền cho cháu Kim L và L.

2. Toàn bộ số tiền trên đã được Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Tiên Lãng nộp vào tài khoản của trung tâm, số tài khoản: 3741.0.3013265.92001 tại Kho bạc nhà nước huyện Tiên Lãng.

3. Về án phí:

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Đoàn Thị H phải chịu 8.515.170 đồng (Tám triệu, năm trăm mười lăm nghìn, một trăm bảy mươi đồng); bà Nguyễn Thị Th phải chịu 3.017.370 đồng (Ba triệu, không trăm mười bảy nghìn, ba trăm bảy mươi đồng); chị Phạm Thị Nh phải chịu 3.251.370 đồng (Ba triệu, hai trăm năm mươi một nghìn, ba trăm bảy mươi đồng); anh Đoàn Văn L và chị Đoàn Thị Th mỗi người đều phải chịu 2.865.900 đồng (Hai triệu, tám trăm sáu mươi lăm nghìn, chín trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Miễn án phí dân sự sơ thẩm đối với những người sau: Bà Đoàn Thị Đ, bà Đoàn Thị M, bà Đoàn Thị R, ông Đoàn Văn H, bà Đoàn Thị R1, anh Phạm Ngọc T, chị Phạm Thị L, cháu Nguyễn Văn Ng, cháu Đoàn Thị Kim L và cháu Đoàn Ngọc L.

- Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Đoàn Văn H được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Phòng;
- TAND huyện Tiên Lãng;
- Chi cục THADS huyện Tiên Lãng;
- Đương sự (để thi hành);
- Lưu: HCTP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lương Ngọc Dũng